

**CÔNG TY TNHH TÂM HÙNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂM HÙNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101644174

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô DC5-14 Bùi Hữu Nghĩa , Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0708.080.812

Fax:

Email: Tamzippo123@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                            | 5610(Chính) |
| 2.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                    | 5621        |
| 3.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                        | 5629        |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                     | 5630        |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                             | 1010        |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                     | 1020        |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                | 1030        |
| 8.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                               | 1062        |
| 9.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                              | 1079        |
| 10. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                | 1074        |
| 11. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                       | 1075        |
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                      | 4620        |
| 13. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                              | 4631        |
| 14. | Bán buôn thực phẩm                                                                                          | 4632        |
| 15. | Bán buôn đồ uống                                                                                            | 4633        |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                        | 4641        |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                          | 4649        |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                           | 4669        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                  | 4610        |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                            | 4771        |
| 21. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                    | 4782        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                         | 4931        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                            | 4932        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                              | 4933        |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                 | 5210        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                            | 5224        |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510        |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                      | 7710        |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                                              | 7911        |
| 30. | Điều hành tua du lịch                                                                                       | 7912        |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                         | 7990        |

